ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy nháp và bút; có thể kẻ bảng hàng để kiểm giá trị chữ số.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện và nói điều cần tìm trước khi tính. Có thể tách số, vẽ sơ đồ hoặc dùng thẻ để giải thích.

Ghi cách làm và một phép kiểm phù hợp; chỉ mở đáp án sau khi đã tự thử.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu giữ đúng quan hệ và đơn vị. Với câu mở, ghi đúng ví dụ trẻ đã chọn, không buộc theo ví dụ đáp án.

Đọc lại nguyên đề khi cần và ghi riêng phần đã trợ giúp; không dùng tốc độ hoặc số trang để xác nhận hiểu toán.

Bài 1 · tr. 01 Làm tròn đến số tự nhiên gần nhất

Mục tiêu Làm tròn số thập phân không âm đến số tự nhiên gần nhất, xử lí mốc 5.

Ví dụ 7,3 gần 7 hơn 8 nên làm tròn thành 7. Với 7,5, theo quy tắc làm tròn đang học ta tăng hàng đơn vị, được 8.

Đề Câu 1 Làm tròn 6,2 và 6,8 đến số tự nhiên gần nhất.

Câu 1 · tr. 01 6,2 thành 6; 6,8 thành 7.

Đề Câu 2 Làm tròn 12,5 và 0,49 đến số tự nhiên gần nhất.

Câu 2 · tr. 01 12,5 thành 13; 0,49 thành 0.

Câu 3 · tr. 01 100; cần chuyển qua mốc trăm.

Đề Câu 4 Bạn làm tròn 4,51 thành 4 vì nhìn chữ số phần trăm 1. Chỉ chữ số cần xét và sửa.

Câu 4 · tr. 01 Phải xét hàng phần mười 5 nên làm tròn 4,51 thành 5; không bắt đầu từ hàng phần trăm.

Bài 2 · tr. 02 Làm tròn đến hàng phần mười

Mục tiêu Làm tròn đến hàng phần mười bằng chữ số ở hàng phần trăm.

Ví dụ 3,26 làm tròn đến phần mười thành 3,3 vì hàng phần trăm 6. Giữ một chữ số sau dấu phẩy và xét chữ số ngay bên phải.

Câu 1 · tr. 02 4,23 thành 4,2; 4,27 thành 4,3.

Câu 2 · tr. 02 6,4 vì hàng phần trăm là 5.

Câu 3 · tr. 02 9,0; 9 phần mười tăng thành 10 phần mười, đổi thành 1 đơn vị.

Câu 4 · tr. 02 12,0; hàng phần trăm 4 < 5, giữ hàng phần mười 0. Không đưa chữ số phần trăm sang vị trí phần mười.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · tiếp tục

LT1 · tr. 02 3,5; chữ số hàng phần trăm là 5 nên tăng chữ số hàng phần mười thêm 1.

Bài 3 · tr. 03 Làm tròn đến hàng phần trăm

Mục tiêu Làm tròn đến hàng phần trăm bằng chữ số ở hàng phần nghìn.

Ví dụ 2,346 làm tròn đến phần trăm thành 2,35 vì hàng phần nghìn 6. Kết quả viết hai chữ số ở phần thập phân.

Câu 1 · tr. 03 5,43 và 5,44.

Câu 2 · tr. 03 2,68; chữ số phần nghìn 5 làm hàng phần trăm tăng 1.

Câu 3 · tr. 03 10,00; có chuyển qua phần nguyên.

Đề Câu 4 Bạn làm tròn 7,204 đến phần trăm thành 7,24. Sửa và giải thích vị trí chữ số 0.

Câu 4 · tr. 03 7,20; hàng phần nghìn 4 < 5 nên giữ hàng phần trăm 0. Không ghép chữ số 4 thay cho hàng phần trăm.

LT1 · tr. 03 4,28; chữ số hàng phần nghìn là 6 nên tăng chữ số hàng phần trăm thêm 1.

Bài 4 · tr. 04 Ước lượng kết quả bằng số thập phân đã làm tròn

Mục tiêu Ước lượng tổng hoặc hiệu bằng cách làm tròn dữ kiện đến số tự nhiên trước khi tính.

Ví dụ Hai đoạn dài 3,8 m và 5,2 m có tổng ước lượng khoảng 4 + 5 = 9 m. Đây là cách ước lượng từ các số đã làm tròn; muốn đáp số chính xác cần tính dữ kiện gốc.

Câu 1 · tr. 04 Khoảng 57 + 18 = 75; ghi đây là ước lượng.

Câu 2 · tr. 04 Khoảng 101 − 50 = 51; không coi 51 là hiệu chính xác.

Đề Câu 3 Hai túi nặng 4,6 kg và 3,2 kg. Làm tròn từng số đến ki-lô-gam để ước lượng tổng khối lượng.

Câu 3 · tr. 04 Khoảng 5 + 3 = 8 kg.

Câu 4 · tr. 04 Không. Làm tròn có thể thay đổi từng dữ kiện. Cần giữ từ "khoảng" hoặc dấu gần đúng; muốn kết quả chính xác phải dùng số gốc.

Bài 5 · tr. 05 Chọn độ chính xác và phân biệt số gần đúng

Mục tiêu Chọn mức làm tròn được yêu cầu và phân biệt số gốc với số gần đúng.

Ví dụ Số 12,347 làm tròn đến phần mười là 12,3, đến phần trăm là 12,35. Phải biết yêu cầu giữ đến hàng nào trước khi làm tròn.

Câu 1 · tr. 05 3,48.

Câu 2 · tr. 05 Lần lượt 6; 6,3; 6,28.

Câu 3 · tr. 05 Ghi khoảng 2,7 m. Giữ bản ghi gốc 2,74 m; số làm tròn không thay đổi giá trị đã đo ban đầu.

Câu 4 · tr. 05 Không. 2,35 đã là kết quả đến phần trăm; 2,4 là làm tròn đến phần mười. Cần dừng ở hàng được yêu cầu.